

Bản án số: 659/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2018
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hòa Bình;

2/ Ông Nguyễn Đình Rành.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Chính Việt Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2018/HNST ngày 05 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Số aa đường số X, phường TP, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thu L, sinh năm 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ : Số aa đường số X, phường TP, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng D nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thu L qua thời gian tìm hiểu một năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số bb, Quyền số c/200a ngày dd/mm/yy do Ủy ban nhân dân phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 (Mười bốn) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc chồng, con.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: ông D xác nhận ông và bà Nguyễn Thu L có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thu T, (Nữ), sinh ngày 08/02/2003, và trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, (Nữ), sinh ngày 21/6/2012.

Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc trẻ Nguyễn Thu T, còn bà Nguyễn Thu L sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông xác nhận không có.

- Về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

* Tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 8 năm 2018 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ngày 14 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thu L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng D qua thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì cả 02 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số bb, Quyền số c/200a ngày dd/mm/yy do Ủy ban nhân dân phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp)..

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng theo bà là do kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên bà phải đi làm ăn xa. Hai vợ chồng bà đã sống ly thân từ ngày 10 tháng 03 năm 2017 cho đến nay.

Nay bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông D.

- Về con chung: bà L xác nhận bà và ông Nguyễn Hoàng D có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thu T, (Nữ), sinh ngày 08/02/2003 và trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, (Nữ), sinh ngày 21/6/2012

Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Nguyễn Thu T cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn bà L sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Do bận làm ăn bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của

Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn – bà Nguyễn Thu L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ông D và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số bb, Quyền số c/200a ngày dd/mm/yy do Ủy ban nhân dân phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]- Về quan hệ hôn nhân:

Theo ông D: vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 (Mười bốn) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc đến chồng, con.

Theo bà L: mâu thuẫn giữa 02 vợ chồng do kinh tế gặp nhiều khó khăn. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nên tình cảm phai nhạt. Ông D yêu cầu ly hôn bà L đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]- Về con chung: bà L, ông D xác nhận có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thu T, (Nữ), sinh ngày 08/02/2003 và trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, (Nữ), sinh ngày 21/6/2012

Ông D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thu T, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Ông D, bà L được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông D, bà L thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà L xác nhận không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng D và bà Nguyễn Thu L (Giấy chứng nhận kết hôn số bb, Quyền số c/200a ngày dd/mm/yy do Ủy ban nhân dân phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2/ Về con chung: ông D và bà L có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thu T, (Nữ), sinh ngày 08/02/2003 và trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, (Nữ), sinh ngày 21/6/2012.

Giao ông Nguyễn Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Nguyễn Thu T; bà Nguyễn Thu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Nguyễn Ngọc Nhã U, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông D, bà L được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở ông D, bà L thực hiện quyền và nghĩa vụ này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà L xác nhận không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/dd ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Nguyễn Hoàng D đã nộp đủ án phí.

5/ Ông D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Bà Nguyễn Thu L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục THA Dân sự Q7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Mỗi đương sự
- Lưu, hồ sơ. (Tky Việt Phương)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo